

Bản án số 181/2021/DS-PT

Ngày 13 - 4 - 2021

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất và tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Ngọc Thu Hương

*Các Thẩm phán:*

Ông Phạm Văn Công

Ông Đỗ Đình Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thông Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án thụ lý số: 23/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản; tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tranh chấp liên quan đến tài sản cưỡng chế thi hành án*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 488/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1957 (có mặt);

1.2. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm: 1955 (vắng mặt);

1.3. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1959 (vắng mặt);

1.4. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1970 (vắng mặt);

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn T1 là bà Nguyễn Thị Bích T (theo Giấy ủy quyền ngày 14/5/2019) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Duyên T2, sinh năm: 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Bích S1(Bich S1 Nguyen Thi), sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.2. Ông Khuru Văn N1(N1 Van Khuu), sinh năm 1957(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 3536 9<sup>th</sup> street Port A, Texas 77642, USA.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích S1 và ông Khuru Văn N1 là bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo Tờ ủy quyền ngày 17/12/2019) (có mặt).

3.3. Ông Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1977 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

3.4. Ông Nguyễn Lê T4, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Số 541, ấp T5, xã T6, huyện C, Đồng Tháp.

3.5. Bà Đào Giáng H1, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số 31D, KDC khóm T6, phường X1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp .

3.6. Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Số 341, ấp H2, xã L1, huyện L2, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Ông Trầm Vĩnh Q, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 108, đường L3, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trầm Vĩnh Q là ông Phan Thành H3, sinh năm: 1973 (có mặt); Địa chỉ: số 23/3, ấp H4, xã L4, huyện L5, Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 20/8/2020) (xin vắng mặt).

3.8. Ông Huỳnh Quang V, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.9. Ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

3.10. Anh Nguyễn Hồng X2, sinh năm 1993;

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Văn Q1, anh Nguyễn Hồng X2 là bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1957 (theo Giấy ủy quyền ngày 05/4/2021) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Ngân hàng Z;

Đại diện theo pháp luật ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên;

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường L6, phường T7, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền anh Huỳnh Bạch K- Trưởng phòng KHKD Ngân hàng Z, Chi nhánh thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy ủy quyền ngày 07/6/2019) (có mặt);

Địa chỉ: Số 18, đường T8, khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp

3.12. Chi cục thi hành án dân sự thành phố S;

Đại diện theo pháp luật bà Bùi Thị Ngọc K1– Chi cục trưởng;

Đại diện theo ủy quyền Đỗ Hữu T9– Chấp hành viên (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 109, đường Nguyễn Cư T10, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy ủy quyền ngày 16/12/2019).

3.13. Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đ;

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn P1- Trưởng Phòng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 466, đường N2, Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 là các nguyên đơn; ông Nguyễn Văn Q1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 là các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bà Nguyễn Thị Duyên T2 là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T đồng thời là đại diện theo ủy quyền cho các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích S1, ông Khuru Văn N1 và anh Nguyễn Hồng X2 trình bày:*

Cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tổng Thị T11 là cha mẹ của các nguyên đơn có tạo lập một căn nhà trên diện tích đất 129,7m<sup>2</sup>, thửa 222, tờ bản đồ số 34, tọa lạc Khóm 2, Phường 1, thành phố S. Ngày 17/12/2001 cụ T11 và cụ H5 được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu đất ở. Khoảng năm 2004, nhà xuống cấp, tất cả anh chị em bà T cùng đứng ra

xây dựng lại nhà. Trong đó vợ chồng của bà Nguyễn Thị Bích S1 và ông Khuru Văn N1 đóng góp tiền để xây dựng nhà, nên ngày 19/3/2005 cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tổng Thị T11 đã làm tờ giấy cho lại con ruột và con rể là bà Nguyễn Thị Bích S1 và ông Khuru Văn N1 nhà và đất tranh chấp như trên. Nhưng do bà Bích S1 và ông N1 là người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên nhờ bà Nguyễn Thị Duyên T2 là con bà Nguyễn Thị Bích P thay mặt gia đình đứng tên tài sản. Đến ngày 13/8/2010, cụ H5 chuyển nhượng quyền sử dụng đất và căn nhà trên cho bà T2 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại phòng Công chứng số 2, tỉnh Đồng Tháp. Khi thực hiện việc chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất từ cụ H5 sang cho bà T2 thì cụ T11 và các con đều biết và thống nhất để bà T2 đại diện gia đình đứng tên. Năm 2015, các anh chị em bà T mới biết bà T2 thế chấp nhà, đất để vay Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S số tiền 2.000.000.000 đồng, hiện nay bà T2 còn nợ Ngân hàng Z – Chi nhánh S.

Cụ H5 và cụ T11 có các con chung gồm: một là Nguyễn Văn T12, sinh năm 1954 (chết ngày 25/9/2013) khi còn sống ông T12 có vợ là bà Lê Kim X3 (đã chết) có 01 người con tên Nguyễn Thanh T3, sinh năm 1977, ông T12 và bà X3 không có con chung nào khác và không có con nuôi hay con riêng nào khác; hai là Nguyễn Thị Bích P; ba là Nguyễn Thị Bích T; bốn là Nguyễn Văn N; năm là Nguyễn Văn T1 và sáu là Nguyễn Thị Bích S1, ngoài ra cụ H5 và cụ T11 không có con nuôi hay con riêng nào cả. Khi cụ H5 và cụ T11 chết không để lại di chúc hay văn bản phân chia tài sản cho các con.

Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tổng Thị T11 chết để lại theo quy định của pháp luật đối với quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất hiện nay do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận bao gồm căn nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup> khung BTCT, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch và quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34, nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Giá trị nhà và đất tranh chấp nói trên theo giá thị trường thỏa thuận là 2.654.940.000đ, vì vậy những người thừa kế của cụ H5, cụ T11 thuộc hàng thừa kế thứ nhất là Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Bích S1 mỗi người được hưởng một phần đối với phần di sản của cụ T11 là 1.327.400.000đ (2.654.940.000đ/2), mỗi người được hưởng 265.494.000đ (1.327.400.000đ/5 người con). Còn đối với di sản của cụ H5  $\frac{1}{2}$  là 1.327.400.000đ, do cụ H5 đã tặng cho bà T2 nên bà T2 được hưởng không chia thừa kế. Đối với con của ông T12 và bà X3 là anh Nguyễn Thanh T3 do không yêu cầu chia thừa kế nên không

chia. Trong đó bà Nguyễn Thị Bích T sẽ nhận hiện vật nhà và đất và đồng ý trả giá trị lại cho bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Bích S1 mỗi người là 265.494.000đ và trả cho bà Nguyễn Thị Duyên T2 số tiền cụ H5 đã tặng cho là 1.327.400.000đ.

Hiện nay căn nhà do bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, anh Huỳnh Quang V (con của bà Nguyễn Thị Bích P), ông Nguyễn Văn Q1 (chồng của bà Nguyễn Thị Bích T) và anh Nguyễn Hồng X2 (con của ông Nguyễn Văn T1) đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà Bích T thống nhất để cho họ được tiếp tục sử dụng.

Các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 423, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Đồng Tháp ngày 13/8/2010. Do khi ký hợp đồng không có mặt cụ Tổng Thị T11 mà chỉ có cụ Nguyễn Văn H5 .

Bà Bích T đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Bích S1 và ông Khuru Văn N1 không có yêu cầu trả lại số tiền đã xây dựng nhà cho cụ H5, cụ T11 vào năm 2004, thống nhất chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Tổng Thị T11 như nêu trên.

Bà T đại diện cho bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Bích S1, ông Khuru Văn N1 và anh Nguyễn Hồng X2 thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Bị đơn chị Nguyễn Thị Duyên T2 trình bày:*

Thống nhất theo trình bày của các nguyên đơn về các nội dung đã nêu trên. Vào ngày 13/8/2010, ông ngoại của bà T2 là cụ Nguyễn Văn H5 cùng với bà T2 có đến Phòng công chứng số 02 tỉnh Đồng Tháp lập thủ tục để cụ H5 tặng cho bà T2 căn nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129,7m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup> khung BTCT, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch và quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup>, loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34, nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Bà T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 30/8/2010. Sau đó năm 2015 bà T2 có thế chấp tài sản trên tại Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S để vay số tiền là 2.000.000.000đ, đã trả còn nợ lại 1.821.598.600đ (Trong đó tiền gốc là 1.660.000.000đ, tiền lãi là 161.598.600đ, tính đến ngày 21/8/2020). Việc bà T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 30/8/2010 là đại diện đứng tên giùm cho gia

đình, khi nào bà Nguyễn Thị Bích S1 trở về nước sẽ để cho bà Bích S1 đứng tên, do thời điểm chuyển nhượng bà Nguyễn Thị Bích S1 đang định cư ở Hoa Kỳ.

Bà T2 thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Thống nhất nhận  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất là tài sản mà ông ngoại chị là cụ Nguyễn Văn H5 đã tặng cho bà theo Hợp đồng lập ngày 13/8/2010 tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Đồng Tháp, thành tiền là 1.327.400.000đ. Còn  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất là di sản của bà ngoại bà là cụ Tống Thị T11 thống nhất chia thừa kế theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Z bà T2 thống nhất trả số tiền còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là 1.829.651.648đ, trong đó nợ gốc là 1.645.000.000đ; nợ lãi là 184.651.648đ (Tạm tính lãi đến ngày 29/9/2020) nhưng bà T2 không thống nhất xử lý tài sản thế chấp để thi hành án trong trường hợp không trả đủ nợ hoặc không trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng vì tài sản thế chấp của mẹ là bà Nguyễn Thị Bích P và các dì cậu Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích S1 thừa kế từ bà Tống Thị T11. Bà T2 tự thỏa thuận yêu cầu bà T, bà P, ông N, ông T1 và bà Bích S1 trả nợ vay thay bà cho Ngân hàng, bà sẽ hoàn trả lại tiền cho họ sau, do hiện nay bà T2 không có khả năng để trả nợ vay cho Ngân hàng.

Bà T2 không thống nhất việc kê biên nhà và đất tranh chấp để xử lý cho người được thi hành án là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ông Nguyễn Lê T4, bà Đào Giáng H1, ông Nguyễn Thái L và ông Trầm Vĩnh Q. Do nhà và đất tranh chấp là của mẹ và cậu dì của bà T2, bà T2 sẽ tự trả nợ cho ông T4, bà H1, ông L và ông Q.

Bà T2 thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S do anh Huỳnh Bạch K trình bày:*

Vào ngày 17/10/2017 Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S có ký kết hợp đồng tín dụng số 6501-LAV20181712 với bà Nguyễn Thị Duyên T2, hạn mức tín dụng được cấp là 2.000.000.000đ, mục đích vay là mua bán bách hóa, ngày nhận nợ ngày 06/7/2018, ngày đến hạn 06/3/2019, cơ cấu đến ngày 06/11/2019. Hiện còn dư nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/9/2020 là 1.829.651.648đ, trong đó nợ gốc là 1.645.000.000đ; nợ lãi là 184.651.648đ. Khi vay có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC ký ngày 13/10/2015 và đăng ký thế chấp tài sản vào ngày 13/10/2015 đối với tài sản thế chấp gồm nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129,7m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup> khung BTCT, mái tole, nền gạch Ceramic, vách

gạch và quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo là 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34, nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 30/8/2010. Trước đó Ngân hàng cũng đã cho bà T2 vay từ tháng 9/2010 kéo dài đến năm 2017, sau khi bà T2 trả nợ xong đã ký lại hợp đồng tín dụng mới, bà T2 hoạt động kinh doanh mua bán bách hóa đến năm 2018 tại địa chỉ số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Nay Ngân hàng yêu cầu như sau:

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Duyên T2 trả cho Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S, Đồng Tháp. Tổng số tiền gốc và lãi đến ngày 29/9/2020 là: 1.829.651.648đ. Trong đó nợ gốc là 1.645.000.000đ; nợ lãi là 184.651.648đ (Tạm tính lãi đến ngày 29/9/2020).

- Yêu cầu bà Nguyễn Thị Duyên T2 tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC ký ngày 13/10/2015 để trả nợ, nếu bà Nguyễn Thị Duyên T2 không trả hết nợ cho Ngân hàng.

Anh K đại diện cho Ngân hàng Z – Chi nhánh thành phố S thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T3 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 03/8/2020 trình bày:*

Ông T3 là con ông Nguyễn Văn T12 (đã chết năm 2013) và bà Lê Kim X3(đã chết năm 2017). Ông T3 hoàn toàn không yêu cầu gì về việc phân chia di sản thừa kế của ông bà nội anh là cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tống Thị T11, đồng thời xin vắng mặt trong các buổi làm việc cũng như xét xử của Tòa án các cấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đ có ông Nguyễn Văn P1 đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ngày 13/8/2010 Phòng công chứng số 2, tỉnh Đồng Tháp có công chứng Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2, do Công chứng viên Nguyễn Ngọc N3 ký công chứng trên cơ sở quy định pháp luật tại thời điểm công chứng như Điều 467 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 2, khoản 2 Điều 3 và các Điều 35, 36, 37 Luật Công chứng năm 2006; Điều 129 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 2

Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 4 Thông tư số 17/2009/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khi ký hợp đồng cụ Nguyễn Văn H5 tự nguyện và minh mẫn, có đủ năng lực hành vi dân sự để giao kết hợp đồng và đã tự mình ký, viết tên trước mặt Công chứng viên. Lý do không đưa bà Tống Thị T11(vợ ông H5) tham gia ký hợp đồng là trên giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất do UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp ngày 30/7/2010 là cấp cho cá nhân ông Nguyễn Văn H5. Như vậy, việc công chứng hợp đồng của Công chứng viên thực hiện đúng quy định pháp luật tại thời điểm tiến hành thủ tục công chứng. Phòng công chứng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt (Theo Công văn số 160/PCC2 ngày 28/7/2020 của Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đ).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Lê T4 trình bày:*

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 09/2018/DS-ST, ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo đó bà Nguyễn Thị Duyên T2 có nghĩa vụ trả cho ông T4 số tiền 1.147.866.000đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T4 có yêu cầu thi hành án thì Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S có ban hành Quyết định thi hành án số 1469/QĐ-CCTHADS, ngày 25/5/2018 và ra Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS, ngày 23/5/2018 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng đất ở đô thị để thi hành án cho ông nhưng do bà Nguyễn Thị Bích S1 và ông Khuru Văn N1 có đơn khởi kiện đối với bà T2 về việc đòi lại tài sản do đứng tên giùm theo đơn kiện ngày 22/01/2018 và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý ngày 06/6/2018, nên việc thi hành án bị tạm đình chỉ, đến ngày 21/11/2018 Tòa án Tỉnh có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Ông T4 tiếp tục yêu cầu thi hành án thì Chi cục Thi hành án thành phố S ra Quyết định số 32/QĐ-CCTHADS, ngày 09/01/2019 về việc tiếp tục thi hành án. Sau đó các nguyên đơn lại khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà, đất tranh chấp nêu trên nên việc thi hành án bị tạm đình chỉ cho đến nay. Ông T4 không thống nhất với trình bày của nguyên đơn như nêu trên do thời điểm cụ H5 ký hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cho bà T2 thì cụ H5 vẫn minh mẫn và việc Phòng công chứng số 02 công chứng thì sự việc này các nguyên đơn bà P, bà T, ông N, ông T1 đều biết (được thể hiện qua Tờ tường trình của nguyên đơn gửi cho Tòa án ngày 12/3/2018).

Ông T4 yêu cầu Tòa án xem xét xác định nhà và đất do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S kê biên là tài



sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của bà T2 để thi hành án cho ông T4 theo quy định pháp luật.

Ông T4 thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái L trình bày:*

Ông có khởi kiện bà Nguyễn Thị Duyên T2 ra Tòa án nhân dân thành phố S để yêu cầu Tòa án buộc bà T2 trả cho ông L 200.000.000đ và được Tòa án nhân dân thành phố S chấp nhận theo Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 18/4/2018. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông L đã yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S thi hành bản án trên, Cơ quan Thi hành án đã kê biên tài sản là nhà và đất do bà T2 đứng tên nhưng chưa thi hành án được do có tranh chấp về tài sản giữa các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 với bị đơn là bà Duyên T2.

Ông L yêu cầu Tòa án xem xét xác định nhà và đất do bà T2 đứng tên đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S kê biên là tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T2 để thi hành án cho ông L theo quy định pháp luật.

Ông L thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Giáng H1 trình bày:*

Năm 2017 bà Nguyễn Thị Duyên T2 có mượn của bà 500.000.000đ để trả đáo nợ Ngân hàng, bà T2 đã trả 50.000.000đ, còn nợ lại 450.000.000đ thì không trả. Bà H1 có khởi kiện bà T2 ra Tòa án nhân dân thành phố S và được Tòa án hòa giải thành theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 106A/2017/DS-ST ngày 22/12/2017. Sau đó Bà H1 đã yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S thi hành bản án trên, Cơ quan Thi hành án đã kê biên tài sản là nhà và đất do bà T2 đứng tên nhưng chưa thi hành án được do có tranh chấp về tài sản giữa các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 với bị đơn là bà Nguyễn Thị Duyên T2.

Bà Đào Giáng H1 yêu cầu Tòa án xem xét xác định nhà và đất do bà T2 đứng tên đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S kê biên là tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T2 để thi hành án cho bà H theo quy định pháp luật.

Bà Đào Giáng H1 thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và

sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm Vĩnh Q ủy quyền cho ông Phan Thanh H3 trình bày:*

Vào ngày 09/3/2018 Tòa án nhân dân thành phố S có giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Trầm Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị Duyên T2, theo bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q buộc bà T2 có nghĩa vụ trả cho ông Q số tiền 224.200.000đ. Sau đó bà T2 kháng cáo phúc thẩm, đến ngày 07/5/2018 thì bà T2 rút đơn kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ra Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 112/2018/QĐ-PT, ngày 07/5/2018. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Q có yêu cầu thi hành án thì Chi cục thi hành án dân sự thành phố S ban hành Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu số 1807/QĐ-CCTHADS, ngày 24/7/2018. Cho đến nay vẫn chưa thi hành án được, mặc dù cơ quan thi hành án đã có Quyết định cưỡng chế kê biên nhà và đất do bà T2 đứng tên, lý do có tranh chấp về tài sản giữa các nguyên đơn Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích P, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T1 với bị đơn là bà Nguyễn Thị Duyên T2.

Ông Phan Thanh H3 đại diện cho ông Trầm Vĩnh Q yêu cầu Tòa án xem xét xác định nhà và đất do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S kê biên là tài sản thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà T2 để thi hành án cho ông Q theo quy định pháp luật.

Ông Phan Thanh H3 thống nhất với biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S có anh Đỗ Hữu T9 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S đang tổ chức thi hành Quyết định số 106A/2017/QĐST-DS ngày 22/12/2017, Bản án số 09/2018/DS-ST ngày 17/4/2018, Bản án số 10/2018/DS-ST ngày 18/4/2018 và Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc;

Theo nội dung các Bản án, Quyết định trên thì bà Nguyễn Thị Duyên T2, địa chỉ: 381 H, khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc phải trả cho những người được thi hành án số tiền cụ thể như sau:

1. Bà Đào Giáng H1 là người được thi hành án số tiền 450.000.000 đồng và lãi chậm thi hành án (theo Quyết định số 106A/2017/QĐST-DS ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc);

2. Ông Nguyễn Lê T4 là người được thi hành án số tiền 1.147.866.000 đồng và lãi chậm thi hành án (theo Bản án số 09/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc);

3. Ông Nguyễn Thái L là người được thi hành án số tiền 200.000.000 đồng và lãi chậm thi hành án (theo Bản án số 10/2018/DS-ST ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc);

4. Ông Trâm Vĩnh Q là người được thi hành án số tiền 224.200.000 đồng và lãi chậm thi hành án (theo Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS ngày 23/5/2018 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 222, tờ bản đồ số 34, mục đích sử dụng: đất ở đô thị. Nhà và đất tọa lạc tại số 381, H, khóm 2, phường 1, thành phố S do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên. Trước khi ban hành Quyết định cưỡng chế số 08/QĐ-CCTHADS ngày 23/5/2018, Chấp hành viên đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của bà T2. Qua xác minh thì bà T2 có nhà và đất thuộc thửa số 222, tờ bản đồ 34, tại khóm 2, phường 1, thành phố S hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Z - Chi nhánh Sa Đéc, ngoài ra bà T2 không còn tài sản nào khác. Hết thời hạn tự nguyện thi hành án nhưng bà T2 không thực hiện nghĩa vụ thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 71, Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự. Do tài sản của bà T2 đã bị cưỡng chế kê biên để thi hành án hiện có người khác tranh chấp và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết, nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã hoãn việc thi hành án đối với bà T2. Việc xử lý tài sản của bà T2 sẽ được thực hiện theo quyết định của Tòa án.

***Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 14/QĐ-SCBSBA ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị Duyên T2 thể hiện:

1.1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Tổng Thị T11

Bà Nguyễn Thị Duyên T2 có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối với di sản thừa kế của bà Tống Thị T1 cho các đồng thừa kế của cụ T1 gồm: bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích S1 mỗi người với số tiền 265.494.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/8/2010 giữa cụ Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2;

Giữ nguyên QSD đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 và nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup>, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch; nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp ngày 30/8/2010 là tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Duyên T2 .

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Z đối với bà Nguyễn Thị Duyên T2;

Bà Nguyễn Thị Duyên T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Z số tiền vay gốc và lãi còn nợ đến ngày 29/9/2020 là: 1.829.651.648 đồng, trong đó nợ gốc là 1.645.000.000 đồng; nợ lãi là 184.651.648 đồng, trong đó lãi trong hạn là 123.101.099 đồng, lãi quá hạn là 61.550.549 đồng (Tạm tính lãi đến ngày 29/9/2020) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 6501-LAV20181712 ngày 17/10/2017 và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Khi bà Nguyễn Thị Duyên T2 trả xong nợ cho Ngân hàng Z mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Duyên T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Z thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 và nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn

229,2m<sup>2</sup>, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch; nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp ngày 30/8/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC ký ngày 13/10/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

**3.** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Duyên T2 thống nhất để bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Văn Q1 và ông Nguyễn Hồng X2 được tiếp tục sử dụng nhà và đất đã công nhận cho bà T2 đã nêu trên. Trong trường hợp Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phải xử lý tài sản là nhà và đất đã thế chấp hoặc đã bị kê biên để đảm bảo thi hành án thì bà T, bà P, ông N, ông T1, ông V, ông Q1 và ông X2 được quyền ưu tiên mua hoặc nhận chuyển nhượng nếu có yêu cầu. Trong trường hợp bà T, bà P, ông N, ông T1, ông V, ông Q1 và ông X2 từ chối hoặc không thực hiện quyền yêu cầu ưu tiên mua hoặc nhận chuyển nhượng tài sản thì có nghĩa vụ di dời đi nơi khác để giao tài sản bị xử lý thi hành án theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S).

**4.** Bà Đào Giáng H1, ông Nguyễn Lê T4, ông Nguyễn Thái L và ông Trầm Vĩnh Q được quyền đến Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiếp tục yêu cầu thi hành án. Về trình tự, thủ tục xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị Duyên T2 đã bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 12/10/2020 Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 là các nguyên đơn; ông Nguyễn Văn Q1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 là các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho các nguyên đơn được nhận nhà và đất có diện tích 129,7m<sup>2</sup> thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12/10/2020 bà Nguyễn Thị Duyên T2 là bị đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm do bản án nêu trên không khách quan, gây thiệt thòi cho người thân trong gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quyền sử dụng đất ở và nhà ở diện tích 129,7m<sup>2</sup> tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tổng Thị T11. Ngày 17/12/2001 cụ H5 và cụ T11 được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu (QSH) nhà ở và quyền sử dụng (QSD) đất ở (thửa 1627, 1628). Năm 2004, do nhà xuống cấp nên các con của cụ H5 và cụ T11 cùng với ông bà xây dựng lại nhà. Năm 2010 cụ H5 và cụ T11 đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động và thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất để cho chồng là cụ Nguyễn Văn H5 đứng tên một mình. Ngày 30/7/2010 cụ Nguyễn Văn H5 được cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 13/8/2010 cụ Nguyễn Văn H5 ký Hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho cháu ngoại là bà Nguyễn Thị Duyên T2 tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 30/8/2010 bà Nguyễn Thị Duyên T2 được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Trong quá trình cho đất giữa cụ H5 và bà T2 không có tranh chấp và không thể hiện đứng tên giúp. Cấp sơ thẩm đã giữ nguyên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho bà T2 và bà T2 trả lại phần thừa kế cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, bà T xin trả nợ cho ngân hàng và lấy lại nhà, yêu cầu này của bà T sẽ được giải quyết tại giai đoạn thi hành án. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Kháng cáo của các đương sự không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 là các nguyên đơn; ông Nguyễn Văn Q1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 là các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bà Nguyễn Thị Duyên T2 là bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguồn gốc nhà đất tranh chấp: Quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 và nhà ở

cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup>, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch, nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận (gọi chung là nhà và đất tranh chấp) có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Tống Thị T11. Ngày 17/12/2001 cụ H5 và cụ T11 được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu (QSH) nhà ở và quyền sử dụng (QSD) đất ở (thửa 1627, 1628). Năm 2004, do nhà xuống cấp nên các con của cụ H5 và cụ T11 cùng với ông bà xây dựng lại nhà. Năm 2010 cụ H5 và cụ T11 đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động và thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất, trong đó cụ T11 ký tên vào Tờ thỏa thuận ngày 16/3/2010 có chứng thực của UBND Phường 1, thống nhất để cho chồng là cụ Nguyễn Văn H5 đứng tên một mình. Ngày 30/7/2010 cụ Nguyễn Văn H5 được cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Ngày 13/8/2010 cụ Nguyễn Văn H5 ký Hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất cho cháu ngoại là bà Nguyễn Thị Duyên T2 tại Phòng công chứng số 02, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 30/8/2010 bà Nguyễn Thị Duyên T2 được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

[2.2] Vào ngày 17/10/2017 bà T2 ký kết hợp đồng tín dụng số 6501-LAV20181712 với Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S (gọi chung là Ngân hàng) để vay số tiền 2.000.000.000đ. Khi vay các bên có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC và đăng ký thế chấp tài sản tại cơ quan có thẩm quyền vào ngày 13/10/2015.

[2.3] Ngày 23/5/2018 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế kê biên nhà và đất tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 71, Điều 90 của Luật Thi hành án dân sự để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của bà Nguyễn Thị Duyên T2 đối với những người được thi hành án là bà Đào Giáng H1, ông Nguyễn Lê T4, ông Nguyễn Thái L và ông Trầm Vĩnh Q thì phát sinh tranh chấp.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/8/2010 giữa cụ H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2 và chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho các đương sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4.1] Các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của mẹ là cụ Tống Thị T11 chết để lại theo quy định của pháp luật đối với ½ giá trị nhà và đất tranh chấp, thống nhất ½ giá trị nhà và đất tranh chấp là tài sản mà cụ Nguyễn Văn H5 đã tặng cho bà T2 vì trên thực tế nhà và đất tranh chấp là tài sản chung của cụ H5 và cụ T11 tạo lập trong thời gian chung sống, việc cụ H5 đứng tên cá nhân là trên cơ sở cụ T11 đã thỏa thuận để cụ H5 đứng tên một mình theo Tờ thỏa thuận ngày 16/3/2010 mà không có văn bản nào chứng

minh là tài sản riêng của cụ H5 được cụ T11 tặng cho, nên việc cụ H5 tặng cho nhà và đất tranh chấp cho bà T2 chỉ có giá trị tương ứng đối với phần tài sản riêng của cụ H5 là  $\frac{1}{2}$  nhà và đất tranh chấp, việc này cũng được bị đơn bà Nguyễn Thị Duyên T2 thừa nhận, nên  $\frac{1}{2}$  nhà và đất tranh chấp còn lại được xem là di sản của cụ T11 chết để lại, do cụ T11 không để lại di chúc nên được xem xét phân chia theo pháp luật.

[2.4.2] Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/8/2010 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện hợp đồng, trên cơ sở tự nguyện của cụ H5 và bà T2, việc cụ T11 không ký tên vào Hợp đồng tặng cho xuất phát từ việc giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất do cá nhân cụ Nguyễn Văn H5 đứng tên; Theo Công văn số 120/UBND-NC ngày 31/10/2019 và Công văn số 29/UBND-NC ngày 07/5/2020 của UBND thành phố S về việc cung cấp thông tin cho Tòa án thể hiện *“Trên cơ sở hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2 được Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đ công chứng số 432, quyền số 1 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/8/2010; Trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị Duyên T2 được thực hiện đúng theo quy định pháp luật tại Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 03/8/2010 của UBND tỉnh Đồng Tháp; Theo giấy chứng nhận đã cấp ngày 30/7/2010 là cấp cho ông Nguyễn Văn H5, đối tượng sử dụng đất thể hiện ông Nguyễn Văn H5”*, mặt khác bà T, bà P, ông N, ông Thảo, bà Bích S1 và cụ T11 sau khi biết cụ H5 làm hợp đồng tặng cho nhà và đất tranh chấp cho bà T2 đứng tên cũng không có tranh chấp gì, ngoài ra trong hợp đồng cũng không thể hiện việc bà T2 đứng tên dùm cho ai.

[2.5] Bà Nguyễn Thị Duyên T2 đang thế chấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 30/8/2010 do bà T2 đứng tên tại Ngân hàng Z - Chi nhánh thành phố S để vay tiền, và do không hủy hợp đồng tặng cho QSD đất và tài sản gắn liền với đất giữa cụ Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2 ngày 13/8/2010 và giữ nguyên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho bà T2. Tòa án cấp sơ thẩm không chia di sản bằng hiện vật là nhà và đất tranh chấp cho bà T theo yêu cầu khởi kiện của bà T, bà P, ông N, ông T1 và bà Bích S1 mà giao nhà và đất tranh chấp cho bà T2 đồng thời bà T2 phải có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền chênh lệch lại cho các đồng thừa kế. Trong vụ án này do anh Nguyễn Thanh T3 là con ông Nguyễn Văn T12 (đã chết năm 2013) không yêu cầu chia di sản thừa kế của ông bà nội anh là cụ Nguyễn Văn H5 và bà Tống Thị T11, Ông T3 đã từ chối nhận di sản thừa kế của cụ T11, nên chỉ chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất là các con của cụ T11 còn lại gồm 05 người là bà T, bà P, ông N, ông T1 và bà Bích S1 mỗi



người được hưởng một phần bằng nhau là 265.494.000đ (di sản là 1/2 nhà và đất tranh chấp có giá trị thành tiền là 1.327.400.000đ/5 người) và công nhận 1/2 giá trị nhà và đất tranh chấp mà cụ H5 đã tặng cho bà T2 là 1.327.400.000đ là đúng quy định pháp luật.

[2.6] Ngân hàng Z và bà Nguyễn Thị Duyên T2 ký kết hợp đồng tín dụng số 6501-LAV20181712 và ký hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC, có đăng ký thế chấp vào ngày 13/10/2015 là phù hợp quy định pháp luật trên cơ sở tự nguyện của các bên, khi ký kết hợp đồng thế chấp thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P biết rõ sự việc và có thống nhất ký tên vào hợp đồng, nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và buộc bà T2 có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/9/2020 theo yêu cầu của Ngân hàng là: 1.829.651.648 đồng, trong đó nợ gốc là 1.645.000.000 đồng, nợ lãi là 184.651.648 đồng (trong đó lãi trong hạn là 123.101.099 đồng, lãi quá hạn là 61.550.549 đồng) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Khi bà T2 trả xong nợ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp bà T2 không trả hoặc không trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC ký ngày 13/10/2015 để trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Do nhà và đất tranh chấp giao cho bà Nguyễn Thị Duyên T2 như nêu trên, nên bà Đào Giáng H1, ông Nguyễn Lê T4, ông Nguyễn Thái L và ông Trần Vĩnh Q được quyền đến Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiếp tục yêu cầu thi hành án. Về trình tự, thủ tục xử lý tài sản của bà T2 đã bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

[2.8] Các nội dung khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật. Các đương sự kháng cáo nhưng không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do có Hội đồng xét xử chấp nhận không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn Q1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 và bà Nguyễn Thị Duyên T2, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N và

ông Nguyễn Văn Q1 được miễn án phí do người cao tuổi.

Ông Nguyễn Văn T1; ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 và bà Nguyễn Thị Duyên T2 phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3, 5, 12 Điều 26, Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165 và điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 318, 319, 324, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 100 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1; ông Nguyễn Văn Q1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 và bà Nguyễn Thị Duyên T2; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2020/DS-ST ngày 29/9/2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 14/QĐ-SCBSBA ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp cụ thể như sau:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 đối với bà Nguyễn Thị Duyên T2 thể hiện:**

**1.1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Tổng Thị T11**

Bà Nguyễn Thị Duyên T2 có nghĩa vụ trả giá trị bằng tiền đối với di sản thừa kế của bà Tổng Thị T11 cho các đồng thừa kế của cụ T11 gồm: bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Bích S1 mỗi người với số tiền 265.494.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 13/8/2010 giữa cụ Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Duyên T2;

Giữ nguyên QSD đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 và nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup>, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch; nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp ngày 30/8/2010 là tài sản thuộc quyền sử dụng và quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Duyên T2 .

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Z đối với bà Nguyễn Thị Duyên T2;

Bà Nguyễn Thị Duyên T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Z số tiền vay gốc và lãi còn nợ đến ngày 29/9/2020 là: 1.829.651.648 đồng, trong đó nợ gốc là 1.645.000.000 đồng; nợ lãi là 184.651.648 đồng, trong đó lãi trong hạn là 123.101.099 đồng, lãi quá hạn là 61.550.549 đồng (Tạm tính lãi đến ngày 29/9/2020) và tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng số 6501-LAV20181712 ngày 17/10/2017 và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Khi bà Nguyễn Thị Duyên T2 trả xong nợ cho Ngân hàng Z mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Duyên T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng Z thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 129,7m<sup>2</sup> (thực đo 128,1m<sup>2</sup>), loại đất ODT, thuộc thửa số 222, tờ bản đồ số 34 và nhà ở cấp 4, 02 tầng, diện tích xây dựng 129m<sup>2</sup>, diện tích sàn 229,2m<sup>2</sup>, khung bê tông cốt thép, mái tole, nền gạch Ceramic, vách gạch; nhà và đất tọa lạc tại số 381, đường H, Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp do bà Nguyễn Thị Duyên T2 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản gắn liền với đất được UBND thị xã Sa Đéc (nay là thành phố S) cấp ngày 30/8/2010 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 103/TC ký ngày 13/10/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Duyên T2 thống nhất để bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T1, ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Văn Q1 và ông Nguyễn Hồng X2 được tiếp tục sử dụng nhà và đất đã công nhận cho bà T2 đã nêu trên. Trong

trường hợp Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phải xử lý tài sản là nhà và đất đã thế chấp hoặc đã bị kê biên để đảm bảo thi hành án thì bà T, bà P, ông N, ông T1, ông V, ông Q1 và ông X2 được quyền ưu tiên mua hoặc nhận chuyển nhượng nếu có yêu cầu. Trong trường hợp bà T, bà P, ông N, ông T1, ông V, ông Q1 và ông X2 từ chối hoặc không thực hiện quyền yêu cầu ưu tiên mua hoặc nhận chuyển nhượng tài sản thì có nghĩa vụ di dời đi nơi khác để giao tài sản bị xử lý thi hành án theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2018 và ngày 05/9/2019 và Biên bản thỏa thuận về giá trị tài sản tranh chấp ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/6/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S).

4. Bà Đào Giáng H1, ông Nguyễn Lê T4, anh Nguyễn Thái L và ông Trầm Vĩnh Q được quyền đến Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiếp tục yêu cầu thi hành án. Về trình tự, thủ tục xử lý tài sản của bà Nguyễn Thị Duyên T2 đã bị kê biên được thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

#### 5. Về án phí dân sự sơ thẩm

- Ông Nguyễn Văn N phải chịu 13.274.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với di sản được nhận chia thừa kế, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp thay cho ông N là 12.800.000 đồng theo biên lai thu số BH/2018/ 0000617 ngày 16/4/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông N phải nộp thêm 474.700 đồng;

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 13.274.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với di sản được nhận chia thừa kế, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp thay cho ông T1 là 12.800.000 đồng theo biên lai thu số BH/2018/ 0000616 ngày 16/4/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Ông T1 phải nộp thêm 474.700 đồng;

- Bà Nguyễn Thị Bích S1 phải chịu 13.274.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với di sản được nhận chia thừa kế;

- Ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn T1 phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không được chấp nhận;

- Bà Nguyễn Thị Bích T và bà Nguyễn Thị Bích P được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Bà Nguyễn Thị Duyên T2 phải chịu 66.889.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Z không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.903.000 đồng theo biên lai thu số BH/2018/0000644 ngày 17/6/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

**6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** Bà Nguyễn Thị Bích T tự nguyện chịu (bà T đã nộp và chi xong).

**7. Về án phí dân sự phúc thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Bích P, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn Q1 được miễn án phí .

Ông Nguyễn Văn T1; ông Huỳnh Quang V, ông Nguyễn Hồng X2 và bà Nguyễn Thị Duyên T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông T1 (có bà T đại diện) nộp theo theo biên lai thu số 0006039 ngày 13/10/2020; 300.000 đồng do ông V (có bà T đại diện ) nộp theo theo biên lai thu số 0006037 ngày 13/10/2020; 300.000 đồng do ông X2 nộp theo theo biên lai thu số 0006038 ngày 13/10/2020 và 300.000 đồng do bà T2 nộp theo theo biên lai thu số 0006040 ngày 13/10/2020 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đường sự;
- Lưu – (Ấn - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Đinh Ngọc Thu Hương**